

TRƯỜNG THCS - THPT NGUYỄN KHUYẾN
TRƯỜNG TH - THCS - THPT LÊ THÁNH TÔNG
TÒ ĐỊA LÍ

Bài 10. THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỚI ÂM GIÓ MÙA (Tiếp theo)
(Nội dung ghi bài)

II. Các thành phần tự nhiên khác

a. Địa hình

- Xâm thực mạnh ở miền đồi núi.
- + Địa hình bị cắt xé, đất bị xói mòn, rửa trôi, nhiều nơi tro sỏi đá.
- + Đất trượt, đá lở
- + Vùng vúi đá vôi hình thành địa hình Caxto
- + Vùng thềm phù sa cỏ bị chia cắt thành các đồi thấp xen thung lũng rộng.
- Bồi tụ nhanh ở đồng bằng hạ lưu sông: Nhanh nhất là Đông Nam đồng bằng châu thổ sông Hồng và Tây Nam đồng bằng châu thổ sông Cửu Long.

b. Sông ngòi:

- Mạng lưới sông ngòi dày đặc.
- Sông ngòi nhiều nước, giàu phù sa.
- Chế độ nước theo mùa.

c. Đất

Quá trình feralit:

- Nhiệt ẩm cao → phong hóa mạnh → tầng dày.
- Mưa lớn:
 - + Rửa trôi các chất bao dẽ tan → đất chua.
 - + Tích tụ ôxít sắt, ôxít nhôm → đất đỏ vàng.
- Diễn ra mạnh ở đồi núi.
- Đất feralit là loại đất chính ở vùng đồi núi.

d. Sinh vật:

- Hệ sinh thái rừng nguyên sinh đặc trưng là rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.
- Thành phần các loài nhiệt đới chiếm ưu thế.
- Cảnh quan tiêu biểu: hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm gió mùa phát triển trên đất feralit.

3. Ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến hoạt động sản xuất và đời sống.

a. Ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp:

- Thuận lợi để phát triển nền nông nghiệp lúa nước, tăng vụ, đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi, phát triển mô hình Nông - Lâm kết hợp, nâng cao năng suất cây trồng.
- Khó khăn: Lũ lụt, hạn hán, dịch bệnh, khí hậu thời tiết không ổn định, mùa khô thiếu nước, mùa mưa thừa nước...

b. Ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất khác và đời sống:

- Thuận lợi để phát triển các nghành lâm nghiệp, thuỷ sản, GTVT, du lịch....
- Khó khăn:
 - + Các hoạt động GTVT, du lịch, công nghiệp khai thác... chịu ảnh hưởng trực tiếp của sự phân mùa khí hậu, chế độ nước sông.
 - + Độ ẩm cao gây khó khăn cho quản lý máy móc, thiết bị, nông sản.
 - + Các thiên tai như: mưa bão, lũ lụt hạn hán, dông, lốc, mưa đá, sương muối, rét hại, khô nóng...
 - + Môi trường thiên nhiên dễ bị suy thoái.

TRƯỜNG THCS - THPT NGUYỄN KHUYẾN
TRƯỜNG TH - THCS - THPT LÊ THÁNH TÔNG
TÔ ĐỊA LÍ

Bài 10. THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỚI ÂM GIÓ MÙA (Tiếp theo)
(Bài tập)

Câu 1: Hoạt động ngoại lực đóng vai trò quan trọng trong sự hình thành và biến đổi địa hình Việt Nam hiện tại là

- A. xâm thực - mài mòn.
C. xói mòn - rửa trôi.
B. xâm thực - bồi tụ.
D. mài mòn - bồi tụ.

Câu 2: Khu vực có chế độ nước sông chênh lệch rất lớn giữa mùa lũ và mùa cạn ở nước ta là

- A. Tây Bắc.
C. cực Nam Trung Bộ.
B. Bắc Trung Bộ.
D. Tây Nguyên.

Câu 3. Ở nước ta loại đất nào chiếm diện tích lớn nhất là

- A. đất phù sa cổ.
C. đất feralit hình thành trên các đá mẹ khác nhau.
B. đất phù sa mới.
D. đất mùn alit.

Câu 4. Đất feralit ở nước ta có đặc điểm nổi bật là

- A. thường có màu đen, xốp, dễ thoát nước.
B. thường có màu đỏ vàng, màu mỡ.
C. thường có màu đỏ vàng, đất chua, dễ bị thoái hóa.
D. thường có màu nâu, phù hợp với nhiều loại cây công nghiệp dài ngày.

Câu 5. Sự đa dạng và phong phú trong hệ thống cây trồng, vật nuôi tại một nơi ở nước ta là nhờ

- A. sự phân hoá theo mùa của khí hậu.
B. sự phân bố theo độ cao địa hình trong vùng.
C. sự phân bố theo bắc- nam của địa phương.
D. sự phân hoá theo độ cao địa hình, khí hậu, đất trong vùng.

Câu 6. Kiểu rừng tiêu biểu đặc trưng của khí hậu nóng ẩm ở nước ta là

- A. rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.
B. rừng gió mùa thường xanh.
C. rừng gió mùa nửa rụng lá.
D. rừng ngập mặn thường xanh ven biển.

Câu 7. Hệ quả của quá trình xâm thực mạnh ở miền núi là

- A. tạo thành nhiều phụ lưu.

- B. tổng lượng bùn cát lớn.
 - C. địa hình bị cắt xé, đất bị xói mòn, rửa trôi.
 - D. tạo thành dạng địa hình mới.

Câu 8. Bảng số liệu

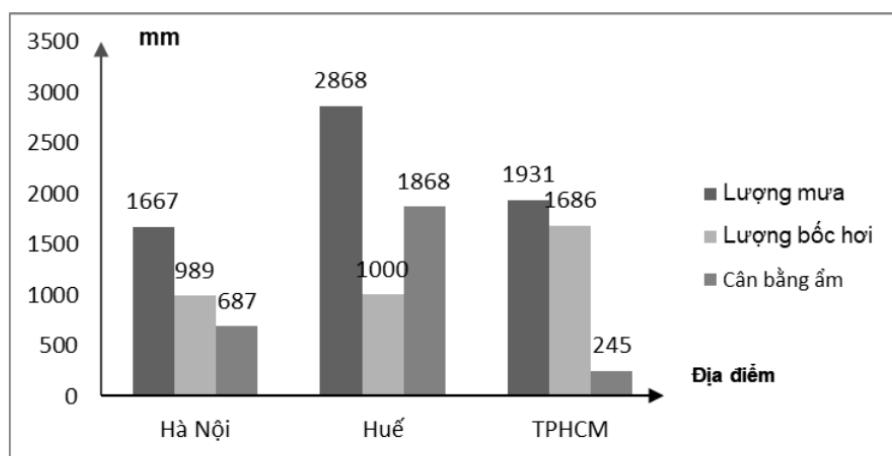
Nhiệt độ trung bình các tháng trong năm của thành phố Vũng Tàu (°C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
TP Vũng Tàu	26	27	28	30	29	29	28	28	28	28	28	27

Nhiệt độ trung bình năm của thành phố Vũng Tàu ($^{\circ}\text{C}$) là

- A. 6. B. 27. C. 28. D. 29.

Câu 9. Cho biểu đồ



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Lượng mưa, lượng bốc hơi, cân bằng ẩm của Hà Nội, Huế và TPHCM.
 - B. Lượng mưa, lượng bốc hơi, cân bằng ẩm của Hà Nội và TPHCM.
 - C. Lượng mưa, lượng bốc hơi của Hà Nội, Huế và TPHCM.
 - D. Lượng mưa, lượng bốc hơi, cân bằng ẩm của Hà Nội và Huế.

Câu 10. Cho bảng số liệu: nhiệt độ và lượng mưa trung bình tháng của Hà Nội

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ ($^{\circ}\text{C}$)	16,4	17,0	20,2	23,7	27,3	28,8	28,9	28,2	27,2	24,6	21,4	18,2
Lượng mưa (mm)	18,6	26,2	43,8	90,1	188,5	230,9	288,2	318	265,4	130,7	43,4	23,4

Hãy chọn dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện nhiệt độ và lượng mưa trung bình của Hà Nội.